

**Công ty TNHH Một thành viên  
Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng	13
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	14 - 42

TRÁC  
MK  
HÙNG  
V3.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 20 tháng 5 năm 2003 và theo các Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>	<i>Ngày cấp</i>
316/QĐ-UBCK	Thay đổi về tên và địa chỉ trụ sở chính	Ngày 16 tháng 5 năm 2007
128/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng	Ngày 12 tháng 5 năm 2008
06/GPĐC-UBCK	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính đến 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 22 tháng 1 năm 2015
59/GPĐC-UBCK	Rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có trụ sở chính đặt tại số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY

Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 tới ngày 26 tháng 8 năm 2015 là bà Nguyễn Thị Kim Xuyên.

Căn cứ vào Quyết định số 93/QĐ-HĐQT-DAB của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty từ ngày 26 tháng 8 năm 2015 đến ngày lập báo cáo tài chính là ông Nguyễn Quốc Toàn.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2015
Ông Bùi Việt	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2014
Ông Ngô Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2014
Ông Lương Ngọc Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2014

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Trần Quang Nghĩa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Hùng Cường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2015
Bà Đặng Bội Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2015
Bà Đặng Ái Vân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2015

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Tô Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2016
Ông Bùi Việt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2016
Ông Phạm Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2015
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2014
Ông Trần Quang Nghĩa	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2015
Bà Võ Thị Minh Ngân	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2014

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Tô Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 1 năm 2016
Ông Bùi Việt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 1 năm 2016

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ngừng hoạt động cho vay ký quỹ do không đáp ứng điều kiện giao dịch ký quỹ được quy định theo Quyết định số 637/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2011.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Quyết định số 59/GPĐC-UBCK.



# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Tô Hiếu Thuận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60752831/17910763-DAS

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty"), được lập ngày 3 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### ***Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Như được trình bày tại Thuyết minh số 6.2, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy Sản Á Châu ("ACC") với giá trị là 30.860.999.556 đồng và Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán với giá trị là 12.431.157.416 đồng theo quy định tại Thông tư 228/2209/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Dựa trên báo cáo tài chính đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, ACC đang có khoản lỗ lũy kế là 479.700.086.279 đồng và vốn chủ sở hữu âm 107.487.077.682 đồng. Do đó, toàn bộ giá trị khoản đầu tư của Công ty vào ACC có thể bị giảm giá và khoản dự phòng cần phải trích lập thêm là 18.429.842.140 đồng. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng khoản đầu tư theo tình hình tài chính của ACC thì số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn và số lỗ lũy kế của Công ty sẽ tăng thêm là 18.429.842.140 đồng, đồng thời vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm đi bằng đúng số tiền này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.



Building a better  
working world

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

- (i) Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á. Ngày 23 tháng 1 năm 2015, theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK và Công văn số 344/UBCK-QLQ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt việc tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á từ ngày 23 tháng 1 năm 2015 đến ngày 23 tháng 1 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã nộp hồ sơ gia hạn thời gian tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á cho Ủy ban Chứng khoán phê duyệt.
- (ii) Như được trình bày ở Thuyết minh số 2.1, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á bởi vì công ty mẹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

### Vấn đề khác

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC, Công ty chứng khoán không được sử dụng quá 70% vốn chủ sở hữu để góp vốn đầu tư vào tổ chức khác, trong đó không được sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ đầu tư vào tổ chức khác và công ty chưa niêm yết của Công ty lần lượt là 101% và 86%, vượt tỷ lệ theo quy định hiện hành. Việc vượt tỷ lệ đầu tư chủ yếu do các khoản đầu tư được thực hiện từ các năm trước. Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>250.597.034.976</b>	<b>334.939.433.642</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>173.471.849.411</b>	<b>71.969.864.774</b>
111	1. Tiền		129.471.849.411	71.969.864.774
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>23.750.003.625</b>	<b>109.510.310.702</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		51.244.999.258	147.208.005.178
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(27.494.995.633)	(37.697.694.476)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>52.647.512.620</b>	<b>152.749.269.963</b>
131	1. Phải thu khách hàng ngắn hạn		2.326.662.557	1.681.434.580
132	2. Trả trước cho người bán		88.550.000	149.420.205
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		97.017.109.473	156.488.417.540
138	4. Các khoản phải thu khác		67.590.590	5.106.677.638
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(46.852.400.000)	(10.676.680.000)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>8</b>	<b>727.669.320</b>	<b>709.988.203</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		241.751.091	212.471.474
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	19.1	460.438.229	460.438.229
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		25.480.000	37.078.500
	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>92.308.525.102</b>	<b>102.256.617.011</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.233.829.591</b>	<b>2.135.019.068</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	98.724.591	249.771.456
222	Nguyên giá		13.969.657.098	15.716.076.811
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.870.932.507)	(15.466.305.355)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.135.105.000	1.885.247.612
228	Nguyên giá		14.916.019.704	14.856.019.704
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.780.914.704)	(12.970.772.092)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>6</b>	<b>81.782.640.916</b>	<b>92.048.166.816</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		30.000.000.000	30.000.000.000
253	2. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn		-	89.912.045.756
258	3. Đầu tư dài hạn khác		151.910.316.756	40.791.796.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(100.127.675.840)	(68.655.674.940)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.292.054.595</b>	<b>8.073.431.127</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	77.661.798	278.183.492
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	9.214.392.797	7.795.247.635
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>342.905.560.078</b>	<b>437.196.050.653</b>





# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>141.732.319.209</b>	<b>154.496.025.973</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>141.732.319.209</b>	<b>154.496.025.973</b>
312	1. Phải trả người bán		105.006.773	590.429.546
313	2. Người mua trả tiền trước		1.963.662.000	2.333.662.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.025.904.106	1.474.354.103
315	4. Phải trả người lao động		1.504.721.564	-
316	5. Chi phí phải trả		30.164.000	17.082.000
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	118.049.743.705	146.544.177.331
321	7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.929.291.284	2.569.487.944
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		393.906.263	516.806.263
328	9. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.729.919.514	450.026.786
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>201.173.240.869</b>	<b>282.700.024.680</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>201.173.240.869</b>	<b>282.700.024.680</b>
411	1. Vốn điều lệ		500.000.000.000	500.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.139.071.388	3.139.071.388
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		8.902.712.768	8.902.712.768
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.534.075.535	17.534.075.535
420	5. Lỗ lũy kế		(328.402.618.822)	(246.875.835.011)
	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(246.875.835.011)	(62.241.489.189)
	- Lỗ lũy kế kỳ này		(81.526.783.811)	(184.634.345.822)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>342.905.560.078</b>	<b>437.196.050.653</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>1.927.768.490.000</b>	<b>2.110.618.430.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	1.735.584.030.000	1.796.440.320.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	20.773.870.000	29.520.050.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.709.066.140.000	1.760.246.200.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.744.020.000	6.674.070.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	40.848.260.000	9.231.910.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	40.848.260.000	9.231.910.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	99.284.600.000	138.518.160.000
019	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	99.284.600.000	138.518.160.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	34.954.390.000	65.622.500.000
029	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	34.954.390.000	65.622.500.000
037	1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	17.097.210.000	100.805.540.000
038	1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	10.000	50.000
039	1.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	17.079.130.000	100.805.490.000
040	1.5.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	18.070.000	-

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

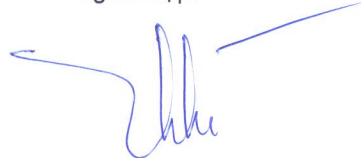
B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>050</b>	<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>357.715.950.000</b>	<b>389.082.880.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	340.519.290.000	374.239.780.000
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	13.072.900.000	3.730.350.000
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	322.443.080.000	365.637.450.000
054	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.003.310.000	4.871.980.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	14.150.000.000	14.410.000.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	14.150.000.000	14.410.000.000
071	2.4. Chứng khoán chờ thanh toán	3.046.660.000	82.200.000
073	2.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	3.046.660.000	82.200.000
076	2.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	350.900.000
077	2.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	-	350.900.000

Người lập:



Huỳnh Thị Thanh Trà  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Võ Thị Minh Ngân  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Tô Hiếu Thuận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>		<b>55.698.337.486</b>	<b>61.269.228.038</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		22.482.043.010	25.070.338.192
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		8.605.518.312	7.755.513.263
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	1.447.441.200
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		428.506.968	363.154.825
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		8.806.339.922	8.385.170.767
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.649.127.521	2.291.785.841
01.9	Doanh thu khác	16	13.726.801.753	15.955.823.950
<b>10</b>	<b>2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>55.698.337.486</b>	<b>61.269.228.038</b>
<b>11</b>	<b>3. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>17</b>	<b>(95.456.989.115)</b>	<b>(171.099.604.651)</b>
<b>20</b>	<b>4. Lỗ gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>(39.758.651.629)</b>	<b>(109.830.376.613)</b>
<b>25</b>	<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>18</b>	<b>(42.495.404.909)</b>	<b>(74.819.423.754)</b>
<b>30</b>	<b>6. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(82.254.056.538)</b>	<b>(184.649.800.367)</b>
31	7. Thu nhập khác		727.272.727	15.454.545
32	8. Chi phí khác		-	-
<b>40</b>	<b>9. Lợi nhuận khác</b>		<b>727.272.727</b>	<b>15.454.545</b>
<b>50</b>	<b>10. Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(81.526.783.811)</b>	<b>(184.634.345.822)</b>
<b>51</b>	<b>11. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>19.1</b>	-	-
<b>60</b>	<b>12. Lỗ sau thuế TNDN</b>		<b>(81.526.783.811)</b>	<b>(184.634.345.822)</b>

Người lập:



Huỳnh Thị Thanh Trà  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Võ Thị Minh Ngân  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Tô Hiếu Thuận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		68.577.332.773	106.300.001.668
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh		(10.723.085.081)	(32.857.167.037)
05	Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	(1.419.145.162)	(134.977.444)
06	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		257.341.977.065	66.028.455.818
07	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(272.423.255.602)	(109.760.743.839)
10	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ		(3.062.729.760)	(5.842.431.931)
11	Tiền chi trả cho người lao động		(16.659.078.986)	(13.927.864.313)
14	Tiền thu khác		14.381.363.883	279.563.845
15	Tiền chi khác		1.157.161.876	(44.497.843.659)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>37.170.541.006</b>	<b>(34.413.006.892)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(60.000.000)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		727.272.727	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(393.750.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.593.750.000	1.537.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.894.558.324	2.833.335.121
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>16.761.831.051</b>	<b>4.370.835.121</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		53.932.372.057	(30.042.171.771)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.851.842.350	31.894.014.121
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	55.784.214.407	1.851.842.350

Người lập:

Huỳnh Thị Thanh Trà  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Võ Thị Minh Ngân  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Hiếu Thuận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

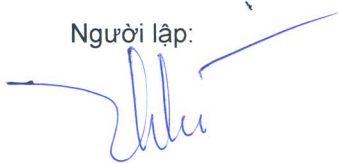
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Biến động trong năm				Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	3.139.071.388	3.139.071.388	-	-	-	-	3.139.071.388	3.139.071.388
3. Quỹ dự phòng tài chính	8.902.712.768	8.902.712.768	-	-	-	-	8.902.712.768	8.902.712.768
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.536.475.535	17.534.075.535	-	(2.400.000)	-	-	17.534.075.535	17.534.075.535
Trong đó:								
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	8.902.712.767	8.902.712.767	-	-	-	-	8.902.712.767	8.902.712.767
- Quỹ đào tạo	8.633.762.768	8.631.362.768	-	(2.400.000)	-	-	8.631.362.768	8.631.362.768
5. Lỗ lũy kế	(62.241.489.189)	(246.875.835.011)	-	(184.634.345.822)	-	(81.526.783.811)	(246.875.835.011)	(328.402.618.822)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>467.336.770.502</b>	<b>282.700.024.680</b>	<b>-</b>	<b>(184.636.745.822)</b>	<b>-</b>	<b>(81.526.783.811)</b>	<b>282.700.024.680</b>	<b>201.173.240.869</b>

Người lập:



Huỳnh Thị Thanh Trà  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Võ Thị Minh Ngân  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Hữu Thuận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003 và theo các Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh khác.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

### **Vốn Điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng.

### **Nhân viên**

Tổng số nhân viên đang làm việc cho công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 77 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 79 người).

### **Công ty con**

Công ty sở hữu 100% vốn trong Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Đông Á được thành lập theo Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 20/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 9 năm 2007, và có trụ sở chính tại 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 1 năm 2015, theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK và Công văn số 344/UBCK-QLQ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt việc tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á từ ngày 23 tháng 1 năm 2015 đến ngày 23 tháng 1 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã nộp hồ sơ gia hạn thời gian tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á cho Ủy ban Chứng khoán phê duyệt.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);



# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì công ty mẹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND").

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

- ▶ Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:

Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

- ▶ Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:
  - Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
  - Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
  - Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
  - Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tệ và VND các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
  - Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.
  - Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
  - Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ("Thông tư 95") ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
  - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
  - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
  - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
  - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;

Ngoài ra, các khoản cho vay được phân loại thành năm (5) nhóm và trích lập dự phòng cụ thể theo tỷ lệ dự phòng tương ứng cho từng nhóm.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng. Tuy nhiên các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư này sẽ được loại khỏi khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì và sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 6 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 6 năm
Tài sản hữu hình khác	3 - 4 năm
Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán	3 - 5 năm
Phần mềm ứng dụng khác	3 - 8 năm

### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến ba (3) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Đầu tư chứng khoán**

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

**3.10.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại") và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên khoản mục "*Chi phí hoạt động kinh doanh*".

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hình thành cổ phiếu, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro đối với danh mục chứng khoán đầu tư, sẽ được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị của chứng khoán.

**3.10.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

**3.10.3 Đầu tư vào công ty con**

Đầu tư vào công ty con thể hiện các khoản góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ quyền biểu quyết chi phối trên 50% và kiểm soát doanh nghiệp đó.

Đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá đầu tư.

**3.10.4 Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

#### 3.11.1 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào “Chi phí hoạt động kinh doanh” trong năm.

#### 3.11.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.13 Lợi ích của nhân viên

#### 3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

#### 3.13.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

#### 3.13.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động được đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.14 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ sau đây thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Điều lệ Công ty:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ đầu tư phát triển	10%	Không có
Quỹ đào tạo	5%	Không có

Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính riêng của năm đó được kiểm toán.

### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Doanh thu sẽ được ghi nhận khi các dịch vụ được cung cấp và được xác nhận bằng thỏa thuận giữa hai bên.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

### 3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

#### *Thuế TNDN hiện hành*

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### *Thuế TNDN hoãn lại*

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

### 3.18 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.



# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng	129.448.901.019	71.936.074.771
Tiền mặt	15.603.493	23.660.641
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.770.575	8.510.798
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	1.574.324	1.618.564
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>173.471.849.411</b>	<b>71.969.864.774</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	55.784.214.407	1.851.842.350
- Tiền ký quỹ nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	117.687.635.004	70.118.022.424

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), có kỳ hạn ba tháng, lãi suất 4,5% - 5%/năm dùng để đảm bảo cho các khoản vay giao dịch chứng khoán của khách hàng của Công ty tại BIDV.

## 5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND</i>
<b>1. Của Công ty</b>	<b>5.595.913</b>	<b>76.918.882.420</b>
Cổ phiếu	5.595.913	76.918.882.420
<b>2. Của nhà đầu tư</b>	<b>734.930.651</b>	<b>12.917.860.065.000</b>
Cổ phiếu	734.908.091	12.917.653.888.000
Chứng chỉ quỹ	22.560	206.177.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>740.526.564</b>	<b>12.994.778.947.420</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>23.750.003.625</b>	<b>109.510.310.702</b>
Chứng khoán thương mại	51.244.999.258	147.208.005.178
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(27.494.995.633)	(37.697.694.476)
<b>Các khoản đầu tư vào chứng khoán dài hạn</b>	<b>58.879.903.641</b>	<b>70.948.982.669</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	89.912.045.756
Đầu tư tài chính dài hạn khác	151.910.316.756	40.791.796.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(93.030.413.115)	(59.754.859.087)
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>22.902.737.275</b>	<b>21.099.184.147</b>
Đầu tư vào công ty con	30.000.000.000	30.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn	(7.097.262.725)	(8.900.815.853)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>105.532.644.541</u></b>	<b><u>201.558.477.518</u></b>

### 6.1 Chi tiết tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán

Tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm như sau:

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm		
- Chứng khoán thương mại	37.697.694.476	16.760.084.270
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	59.754.859.087	-
- Đầu tư vào công ty con	8.900.815.853	8.490.086.708
	<u>106.353.369.416</u>	<u>25.250.170.978</u>
Tăng/(giảm) trong năm ( <i>Thuyết minh số 17</i> )		
- Chứng khoán thương mại	(10.202.698.843)	20.937.610.206
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	(59.754.859.087)	59.754.859.087
- Đầu tư vào công ty con	(1.803.553.128)	410.729.145
- Đầu tư tài chính dài hạn khác	93.030.413.115	-
	<u>21.269.302.057</u>	<u>81.103.198.438</u>
Số dư cuối năm		
- Chứng khoán thương mại	27.494.995.633	37.697.694.476
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	59.754.859.087
- Đầu tư vào công ty con	7.097.262.725	8.900.815.853
- Đầu tư tài chính dài hạn khác	93.030.413.115	-
	<b><u>127.622.671.473</u></b>	<b><u>106.353.369.416</u></b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.2 Chi tiết các khoản đầu tư tài chính

VND

Chỉ tiêu	Mã	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
						Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
<b>Chứng khoán thương mại</b>											
- <b>Cổ phiếu niêm yết</b>		<b>2.077.387</b>	<b>2.952.004</b>	<b>30.265.701.950</b>	<b>36.594.052.770</b>	<b>28.237.176.580</b>	<b>25.812.293.550</b>	<b>(15.796.696.430)</b>	<b>(16.998.364.820)</b>	<b>42.706.182.100</b>	<b>45.407.981.500</b>
Công ty CP đầu tư Xây dựng Lương Tài	LUT	1.647.450	1.647.450	20.343.280.000	20.343.280.000	-	-	(15.565.675.000)	(11.776.540.000)	4.777.605.000	8.566.740.000
Công ty CP Bến xe Miền Tây	WCS	232.790	232.790	8.145.930.000	8.145.930.000	27.238.150.000	25.771.573.000	-	-	35.384.080.000	33.917.503.000
Công ty CP Sợi Thê Kỳ	STK	63.561	-	1.036.592.780	-	991.003.120	-	-	-	2.027.595.900	-
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hòa Sinh	HSI	-	938.240	-	7.364.898.000	-	-	-	(5.206.946.000)	-	2.157.952.000
Các cổ phiếu khác		133.586	133.524	739.899.170	739.944.770	8.023.460	40.720.550	(231.021.430)	(14.878.820)	516.901.200	765.786.500
- <b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>		<b>1.643.273</b>	<b>7.419.197</b>	<b>20.979.297.308</b>	<b>110.613.952.408</b>	<b>1.162.794.523</b>	<b>995.538.723</b>	<b>(11.698.299.203)</b>	<b>(20.699.329.656)</b>	<b>10.443.792.628</b>	<b>90.910.161.475</b>
Công ty CP An Tôn Nguyễn		-	1.000.000	-	23.000.000.000	-	-	-	(200.000.000)	-	22.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Vina		250.000	250.000	7.750.000.000	7.750.000.000	-	-	(5.081.929.956)	(5.081.929.956)	2.668.070.044	2.668.070.044
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hòa Sinh	HSI	938.240	-	7.364.898.000	-	-	-	(6.145.186.000)	-	1.219.712.000	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định		-	150.000	-	3.990.000.000	-	-	-	(30.000.000)	-	3.960.000.000
Công ty CP SX XNK Lâm sản -Tiểu thủ CN (Upexim)		-	225.000	-	2.873.475.000	-	-	-	-	-	2.873.475.000
Các cổ phiếu khác		455.033	5.794.197	5.864.399.308	73.000.477.408	1.162.794.523	995.538.723	(471.183.247)	(15.387.399.700)	6.556.010.584	58.608.616.431
		<b>3.720.660</b>	<b>10.371.201</b>	<b>51.244.999.258</b>	<b>147.208.005.178</b>	<b>29.399.971.103</b>	<b>26.807.832.273</b>	<b>(27.494.995.633)</b>	<b>(37.697.694.476)</b>	<b>53.149.974.728</b>	<b>136.318.142.975</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.2 Chi tiết các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm	
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm			
<b>Chứng khoán đầu tư</b>											
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>											
- <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>											
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	-	962.101	-	30.860.999.556	-	-	-	(26.099.030.538)	-	-	4.761.969.018
Công ty CP Vật liệu Tự dính Việt Nam	-	1.600.000	-	16.000.000.000	-	-	-	(16.000.000.000)	-	-	-
Công ty CP Địa ốc Đông á	-	1.210.000	-	12.100.000.000	-	-	-	(1.452.000.000)	-	-	10.648.000.000
Công ty CP In và TM Vina	-	308.400	-	8.188.020.000	-	-	-	(5.254.273.322)	-	-	2.933.746.678
Công ty CP Tài chính Sóng Việt	-	168.100	-	8.183.300.000	-	-	-	(6.380.135.435)	-	-	1.803.164.565
Các cổ phiếu khác	-	315.483	-	14.579.726.200	-	-	-	(4.569.419.792)	-	-	10.010.306.408
	-	<b>4.564.084</b>	-	<b>89.912.045.756</b>	-	-	-	<b>(59.754.859.087)</b>	-	-	<b>30.157.186.669</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	-	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	-	-	<b>(7.097.262.725)</b>	<b>(8.900.815.853)</b>	<b>22.902.737.275</b>	<b>21.099.184.147</b>	
<b>Chứng khoán dài hạn khác</b>											
- <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>											
Công ty CP Kim khí Hưng Thịnh Phát	1.285.700	1.285.700	33.140.516.000	33.140.516.000	-	-	-	(33.140.516.000)	-	-	33.140.516.000
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	962.101	-	30.860.999.556	-	-	-	-	(12.431.157.416)	-	-	18.429.842.140
Công ty CP An Tôn Nguyễn	1.000.000	-	23.000.000.000	-	-	-	-	(23.000.000.000)	-	-	-
Công ty CP Vật liệu Tự dính Việt Nam	1.600.000	-	16.000.000.000	-	-	-	-	(16.000.000.000)	-	-	-
Công ty CP Địa ốc Đông á	1.210.000	-	12.100.000.000	-	-	-	-	(1.131.684.699)	-	-	10.968.315.301
Công ty CP In và TM Vina	308.400	-	8.188.020.000	-	-	-	-	(150.253.322)	-	-	8.037.766.678
Công ty CP Sóng Việt	168.100	-	8.183.300.000	-	-	-	-	-	-	-	8.183.300.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	150.000	-	3.990.000.000	-	-	-	-	(3.990.000.000)	-	-	-
Công ty CP Bất động sản DIC (DIC-Resco)	126.000	126.000	3.817.280.000	3.817.280.000	-	-	-	-	-	-	3.817.280.000
Công ty CP SX XNK Lâm sản -Tiểu thủ CN (Upexim)	225.000	-	2.873.475.000	-	-	-	-	(2.873.475.000)	-	-	-
Các cổ phiếu khác	245.483	100.000	9.756.726.200	3.834.000.000	-	-	-	(313.326.678)	-	-	9.443.399.522
	<b>7.280.784</b>	<b>1.511.700</b>	<b>151.910.316.756</b>	<b>40.791.796.000</b>	-	-	-	<b>(93.030.413.115)</b>	-	-	<b>58.879.903.641</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.001.444</b>	<b>16.446.985</b>	<b>233.155.316.014</b>	<b>307.911.846.934</b>	<b>29.399.971.103</b>	<b>26.807.832.273</b>	<b>(127.622.671.473)</b>	<b>(106.353.369.416)</b>	<b>134.932.615.644</b>	<b>228.366.309.791</b>	

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

### 7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			VND Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<b>1. Phải thu khách hàng</b>	<b>1.681.434.580</b>	-	-	<b>11.216.590.826</b>	<b>(10.571.362.849)</b>	<b>2.326.662.557</b>	-	-	-
Phải thu từ tư vấn tài chính	1.383.252.930	-	-	9.344.973.920	(8.977.304.850)	1.750.922.000	-	-	-
Phải thu từ hoạt động lưu ký và quản lý sổ cổ đông	89.565.186	-	-	411.562.669	(418.915.734)	82.212.121	-	-	-
Phải thu khác	208.616.464	-	-	1.460.054.237	(1.175.142.265)	493.528.436	-	-	-
<b>2. Trả trước cho người bán</b>	<b>149.420.205</b>	-	-	<b>311.240.840</b>	<b>(372.111.045)</b>	<b>88.550.000</b>	-	-	-
<b>3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>156.488.417.540</b>	<b>15.252.400.000</b>	-	<b>2.163.205.015.096</b>	<b>(2.222.676.323.163)</b>	<b>97.017.109.473</b>	-	<b>46.852.400.000</b>	<b>46.852.400.000</b>
Phải thu về hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	46.063.737.000	-	-	993.791.665.000	(996.139.567.000)	43.715.835.000	-	-	-
Phải thu giao dịch ký quỹ	52.791.405.439	-	-	226.390.557.736	(274.390.702.597)	4.791.260.578	-	-	-
Phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết (i)	31.600.000.000	-	-	-	-	31.600.000.000	-	31.600.000.000	31.600.000.000
Phải thu khách hàng về bán chứng khoán chưa niêm yết (ii)	15.252.400.000	15.252.400.000	-	6.090.000.000	(4.593.750.000)	16.748.650.000	-	15.252.400.000	15.252.400.000
Phải thu từ giao dịch chứng khoán	10.780.875.101	-	-	936.528.281.820	(947.147.793.026)	161.363.895	-	-	-
Phải thu Sở GDCK - Phí đại lý đầu giá	-	-	-	404.510.540	(404.510.540)	-	-	-	-
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b>5.106.677.638</b>	-	-	<b>61.245.119.399</b>	<b>(66.284.206.447)</b>	<b>67.590.590</b>	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.106.677.638	-	-	61.245.119.399	(66.284.206.447)	67.590.590	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>163.425.949.963</b>	<b>15.252.400.000</b>	-	<b>2.235.977.966.161</b>	<b>(2.299.904.003.504)</b>	<b>99.499.912.620</b>	-	<b>46.852.400.000</b>	<b>46.852.400.000</b>

(i) Đây là các khoản Công ty đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết thông qua một số cá nhân nhưng Công ty không có khả năng thu hồi được đến thời điểm lập báo cáo này (Thuyết minh 7.2).

(ii) Đây là các khoản phải thu khách hàng về bán chứng khoán chưa niêm yết cho một số cá nhân nhưng Công ty không có khả năng thu hồi được đến thời điểm lập báo cáo này (Thuyết minh 7.2).

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

### 7.2 Chi tiết của những khoản nợ khó đòi

Tên khách hàng	Thời gian quá hạn	Cuối năm		Đầu năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đặng Thị Kim Liên	1 - 2 năm	16.300.000.000	-	16.300.000.000	-
Võ Văn Tâm	1 - 2 năm	15.300.000.000	-	15.300.000.000	-
Hoàng Thị Duyên	2 - 3 năm	5.252.400.000	-	5.252.400.000	-
Lý Đỗ Nhã Phương	2 - 3 năm	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
Nguyễn Huy Dũng	2 - 3 năm	4.300.000.000	-	4.300.000.000	-
Nguyễn Thị Bích Thủy	2 - 3 năm	3.300.000.000	-	3.300.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>46.852.400.000</b>	<b>-</b>	<b>46.852.400.000</b>	<b>-</b>

### 7.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.676.680.000	4.575.720.000
Trích trong năm (Thuyết minh số 18)	36.175.720.000	6.100.960.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>46.852.400.000</b>	<b>10.676.680.000</b>

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Thuyết minh số 19.1)	460.438.229	460.438.229
Chi phí trả trước ngắn hạn (Thuyết minh số 8.1)	241.751.091	212.471.474
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8.2)	25.480.000	37.078.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>727.669.320</b>	<b>709.988.203</b>

### 8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị và các chi phí chờ phân bổ khác.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa văn phòng chờ phân bổ	2.335.000	27.275.455
Chi phí chờ phân bổ khác	239.416.091	185.196.019
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>241.751.091</b>	<b>212.471.474</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

### 8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn (tiếp theo)

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	212.471.474	603.777.758
Tăng trong năm	1.327.687.083	1.226.187.763
Phân bổ trong năm	<u>(1.298.407.466)</u>	<u>(1.617.494.047)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>241.751.091</u></b>	<b><u>212.471.474</u></b>

### 8.2 Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	6.980.000	18.278.500
Thế chấp, ký cược và ký quỹ ngắn hạn	<u>18.500.000</u>	<u>18.800.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.480.000</u></b>	<b><u>37.078.500</u></b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	1.325.552.000	745.181.746	4.160.802.434	9.085.082.059	399.458.572	15.716.076.811
Thanh lý	-	-	(1.746.419.713)	-	-	(1.746.419.713)
Số cuối năm	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.085.082.059	399.458.572	13.969.657.098
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.146.907.000	548.621.746	2.414.382.721	8.792.379.933	288.790.872	13.191.082.272
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	1.251.137.000	711.292.381	4.160.802.434	8.980.490.668	362.582.872	15.466.305.355
Khấu hao trong năm	35.736.000	32.251.365	-	55.387.500	27.672.000	151.046.865
Thanh lý	-	-	(1.746.419.713)	-	-	(1.746.419.713)
Số cuối năm	1.286.873.000	743.543.746	2.414.382.721	9.035.878.168	390.254.872	13.870.932.507
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	74.415.000	33.889.365	-	104.591.391	36.875.700	249.771.456
Số cuối năm	38.679.000	1.638.000	-	49.203.891	9.203.700	98.724.591



# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán</i>	<i>Phần mềm ứng dụng khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	8.236.938.944	6.619.080.760	14.856.019.704
Mua trong năm	60.000.000	-	60.000.000
Số cuối năm	8.296.938.944	6.619.080.760	14.916.019.704
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	5.186.938.944	6.619.080.760	11.806.019.704
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	6.386.132.332	6.584.639.760	12.970.772.092
Khấu hao trong năm	775.701.612	34.441.000	810.142.612
Số cuối năm	7.161.833.944	6.619.080.760	13.780.914.704
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.850.806.612	34.441.000	1.885.247.612
Số cuối năm	1.135.105.000	-	1.135.105.000

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa và nâng cấp văn phòng	46.182.570	131.577.510
Chi phí trả trước dài hạn khác	31.479.228	146.605.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.661.798</b>	<b>278.183.492</b>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	278.183.492	751.994.403
Tăng trong năm	36.150.228	22.839.500
Phân bổ trong năm	(236.671.922)	(496.650.411)
<b>Số cuối năm</b>	<b>77.661.798</b>	<b>278.183.492</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	7.795.247.635
Tiền nộp bổ sung trong năm 2015	972.098.485
Lãi nhận được trong năm 2015 (Thuyết minh số 16)	447.046.677
<b>Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b><u>9.214.392.797</u></b>

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	325.075.010	588.005.840
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	420.883.533	595.858.476
Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ nhân viên	279.945.563	290.489.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.025.904.106</u></b>	<b><u>1.474.354.103</u></b>

Tình hình biến động các khoản thuế trong năm như sau:

	VND			
<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	588.005.840	673.211.526	(936.142.356)	325.075.010
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	595.858.476	6.961.401.393	(7.136.376.336)	420.883.533
Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ nhân viên	290.489.787	932.956.459	(943.500.683)	279.945.563
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.474.354.103</u></b>	<b><u>8.567.569.378</u></b>	<b><u>(9.016.019.375)</u></b>	<b><u>1.025.904.106</u></b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	82.435.496.204	90.029.793.541
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	35.367.854.816	56.071.782.567
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	246.392.685	442.601.223
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>118.049.743.705</u></b>	<b><u>146.544.177.331</u></b>

## 15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khách hàng thanh toán tiền mua chứng khoán	809.696.500	183.700.500
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	34.756.705	97.640.029
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	6.060.605
Nhận tiền theo hợp đồng tư vấn đầu tư	14.381.344.531	-
- Phạm Thị Xuân Dung	5.405.000.000	-
- Nguyễn Minh Hiệp	2.800.000.000	-
- Phạm Thị Thùy Trang	2.664.000.000	-
- Nguyễn Thị Ngọc Khuê	1.945.000.000	-
- Nguyễn Thị Thu	817.344.531	-
- Phạm Dương Lâm	750.000.000	-
Các khoản phải trả khác	504.121.778	162.625.652
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.729.919.514</u></b>	<b><u>450.026.786</u></b>

## 16. DOANH THU KHÁC

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	6.120.403.918	6.595.579.478
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	5.984.225.053	7.575.759.370
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	829.021.115	270.521.354
Lãi nhận được từ tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán (Thuyết minh số 12)	447.046.677	1.318.169.752
Doanh thu khác	346.104.990	195.793.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.726.801.753</u></b>	<b><u>15.955.823.950</u></b>

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đầu tư tự doanh	47.948.438.727	61.767.564.308
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 6.1)	21.269.302.057	81.103.198.438
Chi phí cho nhân viên	12.172.326.406	8.875.718.349
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	7.544.235.517	7.276.964.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.312.147.205	4.090.730.184
Chi phí hoạt động tư vấn	1.561.505.285	2.040.142.471
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.252.388.121	1.644.138.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	961.189.477	1.448.780.540
Chi phí công cụ và dụng cụ	100.616.759	202.347.864
Chi phí hoạt động hỗ trợ tài chính	3.984.530	-
Chi phí lãi hợp tác đầu tư	-	2.551.169.444
Chi phí bằng tiền khác	330.855.031	98.849.994
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>95.456.989.115</b>	<b>171.099.604.651</b>

## 18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 7.2)	36.175.720.000	6.100.960.000
Chi phí cho nhân viên	5.868.574.144	4.439.756.924
Chi phí công cụ và đồ dùng văn phòng	61.581.000	151.047.859
Chi phí dự phòng phải trả	-	64.088.917.004
Chi phí khác bằng tiền	389.529.765	38.741.967
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.495.404.909</b>	<b>74.819.423.754</b>

## 19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### 19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2014: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 19.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng ước tính mức thuế TNDN hiện hành của Công ty cho năm 2015 và năm 2014 được trình bày dưới đây:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lỗ thuần trước thuế</b>	<b>(81.526.783.811)</b>	<b>(184.634.345.822)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí dự phòng không được khấu trừ thuế	30.724.716.611	147.592.656.046
- Chi phí khác không được khấu trừ thuế	347.952.000	231.110.876
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(2.618.490.532)	(2.562.813.767)
<b>Lỗ tính thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>(53.072.605.732)</b>	<b>(39.373.392.667)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm (Thuyết minh số 8)	(460.438.229)	(460.438.229)
<b>Thuế TNDN trả trước cuối năm</b>	<b>(460.438.229)</b>	<b>(460.438.229)</b>

### 19.2 Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 161.335.209.110 đồng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		VND			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
2011	2016	1.509.752.315	-	-	1.509.752.315
2012	2017	36.724.342.959	-	-	36.724.342.959
2013	2018	30.665.115.437	-	-	30.665.115.437
2014	2019	39.373.392.667	-	-	39.373.392.667
2015	2020	53.072.605.732	-	-	53.072.605.732
		<b>161.345.209.110</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>161.345.209.110</b>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế mang sang này do không thể chắc chắn sẽ có đầy đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lợi ích thuế này.

## Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB")	Công ty mẹ	Lãi tiền gửi	58.504.473	208.084.183
		Phí chuyển tiền	22.696.040	11.835.214
		Tăng tiền gửi của nhà đầu tư	4.259.565.742.777	942.385.128.556
		Giảm tiền gửi của nhà đầu tư	4.199.842.611.929	922.279.553.923
		Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	1.896.917.868.231	415.300.509.570
		Rút tiền từ tài khoản thanh toán của Công ty	1.887.428.059.805	415.073.958.995
		Rút tiền từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	-	31.300.000.000
Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận ("PNJ")	Cổ đông lớn của Công ty mẹ	Cổ tức trong năm	1.500	1.048.067.600
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	1.726.697.042	1.190.073.897

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Phải thu/(phải trả)</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB")	Công ty mẹ	Tiền gửi của nhà đầu tư	73.476.964.610	13.753.833.762
		Tiền gửi của Công ty	10.697.032.467	1.207.224.041
		Phải trả hộ cổ tức	1.018.072.821	1.051.070.976
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("DAC")	Công ty con	Tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán	861.402.363	-
		Phải trả khác	(169.573.214)	(297.187.650)

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 21. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

### 21.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

### 21.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, và các khoản đầu tư tài chính.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu giao dịch ký quỹ của Công ty. Đây là các khoản đầu tư và phải thu ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty áp dụng lãi suất phù hợp đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ nhằm đủ bù đắp chi phí vốn và rủi ro.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì đa phần các khoản tiền gửi và phải thu cho vay ký quỹ này có lãi suất cố định.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 42.706.182.100 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### *Tiền gửi vào ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính riêng là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản nợ phải trả ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty:

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	82.435.496.204	35.614.247.501	118.049.743.705
Chi phí phải trả	-	30.164.000	30.164.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	20.548.212.468	20.548.212.468
	<b>82.435.496.204</b>	<b>56.192.623.969</b>	<b>138.628.120.173</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	146.101.576.108	442.601.223	146.544.177.331
Chi phí phải trả	-	17.082.000	17.082.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	5.744.925.925	5.744.925.925
	<b>146.101.576.108</b>	<b>6.204.609.148</b>	<b>152.306.185.256</b>



**23. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Tài sản tài chính

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC đối với các công cụ tài chính:

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và các khoản phải thu.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành một trong các loại sau:

- ▶ *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ▶ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- ▶ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 23. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

### Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 23. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền và các khoản tương đương tiền	173.471.849.411	-	71.969.864.774	-	173.471.849.411	71.969.864.774	
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	51.244.999.258	(27.494.995.633)	147.208.005.178	(37.697.694.476)	(*)	(*)	
- Cổ phiếu niêm yết	30.265.701.950	(15.796.696.430)	36.594.052.770	(16.998.364.820)	42.706.182.100	45.407.981.500	
- Cổ phiếu chưa niêm yết	20.979.297.308	(11.698.299.203)	110.613.952.408	(20.699.329.656)	(*)	(*)	
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	89.912.045.756	(59.754.859.087)	(*)	(*)	
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	89.912.045.756	(59.754.859.087)	(*)	(*)	
Đầu tư dài hạn khác	151.910.316.756	(93.030.413.115)	40.791.796.000	-	(*)	(*)	
Các khoản phải thu khách hàng	99.343.772.030	(46.852.400.000)	158.169.852.120	(10.676.680.000)	(*)	(*)	
Phải thu khác	8.204.654	-	4.987.031.462	-	(*)	(*)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>475.979.142.109</b>	<b>(167.377.808.748)</b>	<b>513.038.595.290</b>	<b>(108.129.233.563)</b>			
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	118.049.743.705	-	146.544.177.331	-	(*)	(*)	
Phải trả khác	20.578.376.468	-	5.762.007.925	-	(*)	(*)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>138.628.120.173</b>	<b>-</b>	<b>152.306.185.256</b>	<b>-</b>			

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này là không thể xác định do các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.

# Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập:

Huỳnh Thị Thanh Trà  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Võ Thị Minh Ngân  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Tô Hiếu Thuận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016